TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** Số: 226/2019/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 29 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 305/2019/TLST – HNGĐ ngày 12/11/2019 về việc xin ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Đình A- sinh năm 1988.
HKTT và trú tại: Thôn L- xã D- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị N- sinh năm 1996.
HKTT: Thôn L- xã D- huyện K- tỉnh Hưng Yên.
Hiện trú tại: thôn Q- xã C- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Cháu Trần Thanh M- sinh ngày 15/10/2015. Người giám hộ cho cháu M là chị Đặng Thị N- mẹ đẻ của cháu.Đều đăng ký HKTT: Thôn L- xã D- huyện K- tỉnh Hưng Yên.Hiện đều trú tại: thôn Q- xã C- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/11/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn Trần Đình A và bị đơn chị Đặng Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cháu Trần Thanh M, sinh ngày 15/10/2015 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M khôn lớn, trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A và chị N đều không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh A có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình: Anh A và chị N đều khẳng định vợ chồng không có tài sản gì chung không vay nợ ai, không có tiền cho ai vay, không liên quan gì về ruộng canh tác nông nghiệp, thời gian chung sống không đóng góp, xây dựng được gì cho hai bên gia đình nên đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

2.3Về án phí: Anh Trần Đình A tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh A đã nộp theo biên lai thu số 0001493 ngày 12/11/2019, nên anh A được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG